

nộp tiền ghi chương, loại, khoản, hạng tương ứng, và mục 29 "Thuế chuyên quyền sử dụng đất".

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1995; các Bộ, các ngành, các đơn vị, địa phương, các cơ quan tài chính, cơ quan thuế và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp tổ chức hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện việc hạch toán, kế toán và quyết toán số thu chi ngân sách Nhà nước phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư này. Những quy định tại Thông tư số 68-TC/NSNN ngày 15-8-1994 trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện còn gì vướng mắc cần giải thích hoặc bổ sung, sửa đổi đề nghị có văn bản gửi về Bộ Tài chính để Bộ nghiên cứu và giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng
NGUYỄN SINH HÙNG

THÔNG TƯ số 20-TC/TCT ngày 16-3-1995 về việc hướng dẫn xét miễn thuế xuất nhập khẩu đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo Nghị định số 191-CP ngày 28-12-1994 của Chính phủ.

Thực hiện Điều 14 Nghị định số 191-CP ngày 28-12-1994 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Hình thành thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, quy định "Bộ Thương mại cấp giấy phép nhập khẩu, trong đó quy định rõ số hàng hóa được miễn thuế theo quy định của pháp luật".

Sau khi có ý kiến tham gia của các Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (SCCI), Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện xét miễn thuế xuất nhập khẩu đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như sau:

1. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC XÉT MIỄN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

- Xi nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài các bên hợp doanh trên cơ sở Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp đồng phân chia sản phẩm đầu khi được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại

Việt Nam (dưới đây gọi tắt là xi nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

- Thiết bị, máy móc, phụ tùng, các phương tiện sản xuất kinh doanh (gồm cả phương tiện vận tải) và các vật tư nhập khẩu vào Việt Nam để đầu tư xây dựng cơ bản hình thành xi nghiệp, hoặc để tạo tài sản cố định thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh (dưới đây gọi tắt là hàng hóa).

Các phương tiện sản xuất kinh doanh là những công cụ, dụng cụ lao động nhỏ, dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất; bao bì, kết nhựa đóng gói quay vòng thuộc phương tiện cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của xi nghiệp mới đi vào sản xuất lần đầu bằng vốn đầu tư ban đầu hình thành xi nghiệp và đã được ghi trong luận chứng kinh tế kỹ thuật ban đầu của dự án được duyệt thì được xét miễn thuế nhập khẩu lần đầu theo điểm 1, Điều 76 Nghị định số 18-CP ngày 16-4-1993 và Điều 13 Nghị định số 54-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ. Số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu lần đầu được xét miễn thuế nhập khẩu cho đối tượng này được xác định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật ban đầu của dự án và được Bộ Thương mại cho phép nhập khẩu.

- Riêng đối với hàng hóa, thiết bị... nhập khẩu phục vụ hoạt động đầu khí của các Hợp đồng thăm dò đầu khí thực hiện theo tinh thần Công văn số 5842/DK ngày 21-10-1994 của Chính phủ về việc miễn thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ hoạt động đầu khí.

- Phương tiện vận tải thực hiện theo định mức quy định tại Công văn số 1412-UB/QL ngày 27-7-1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư về việc nhập khẩu xe ô-tô du lịch của các xi nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Mọi máy móc, thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải nhập khẩu vào Việt Nam để xây dựng cơ bản hình thành xi nghiệp hoặc để tạo tài sản cố định để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh vượt quá mức quy định so với luận chứng kinh tế kỹ thuật và giải trình thiết kế kỹ thuật, thì không được miễn thuế nhập khẩu.

- Trường hợp những dự án được cấp giấy phép bổ sung, điều chỉnh luận chứng kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư gửi Bộ Thương mại bản giải trình kinh tế kỹ thuật bổ sung để có cơ sở làm thủ tục xét cấp kế hoạch nhập khẩu hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu.

- Trường hợp xi nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu thay thế, tái đầu tư để đổi mới trang thiết bị phương tiện vận tải là các tài sản cố định đã được miễn thuế nhập khẩu lần đầu (kể cả trường hợp dùng vốn khấu hao tài sản cố định) thì không được miễn thuế nhập khẩu.

II. THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XÉT MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

Bộ Thương mại xét duyệt kế hoạch nhập khẩu hàng hóa, xác định số lượng chủng loại hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu cho các đối tượng quy định tại mục I nêu trên. Thủ tục hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 3-TM/DT ngày 2-7-1993 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện chương VII Nghị định số 18-CP ngày 16-4-1993 của Chính phủ về tổ chức kinh doanh của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tổng cục Hải quan có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện thanh khoản số hàng hóa, số tiền thuế nhập khẩu được miễn cụ thể trên cơ sở kế hoạch nhập khẩu hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu của Bộ Thương mại cấp với số hàng thực nhập khẩu. Theo dõi quản lý hàng được miễn thuế nhập khẩu được chính xác, thống nhất, chống thất thu cho ngân sách Nhà nước.

Bộ Tài chính cùng với các ngành có liên quan chỉ đạo tổ chức kiểm tra tình hình miễn thuế nhập khẩu đối với các hình thức đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đúng pháp luật quy định.

Hàng năm và mỗi khi hoàn thành dự án đầu tư ban đầu hoặc từng giai đoạn đầu tư của dự án, các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải lập báo cáo tình hình nhập khẩu hàng hóa, tình hình sử dụng hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan. Thời gian báo cáo chậm nhất là 30 ngày sau khi hoàn thành dự án hoặc giai đoạn đầu tư của dự án hoặc ngày kết thúc năm. Nếu không có báo cáo thì cơ quan Hải quan sẽ từ chối không làm thủ tục miễn thuế cho các lô hàng xuất nhập khẩu tiếp theo của xí nghiệp.

III. THỜI HIỆU THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1995 và thay thế điểm 1 Thông tư số 47-TC/TCT ngày 1-6-1994, điểm 1 và 2 Thông tư số 90-TC/TCT ngày 4-11-1994 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xét miễn thuế, hoàn thuế xuất nhập khẩu đối với xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
HỒ TẾ

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ Thương mại số 269-TM/QLTT ngày 30-3-1995 về việc ban hành bản Quy định về quản lý và sử dụng biển hiệu Quản lý thị trường, thẻ kiểm tra thị trường và vũ khí quân dụng trong lực lượng Quản lý thị trường.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95-CP ngày 4-12-1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 10-CP ngày 23-1-1995 của Chính phủ về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 175-CP ngày 11-12-1964, số 94-HĐBT ngày 2-7-1984 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về quản lý và sử dụng biển hiệu Quản lý thị trường, thẻ kiểm tra thị trường và vũ khí quân dụng trong lực lượng kiểm tra, kiểm soát thị trường.

Điều 2.- Bản Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tài chính kế toán, Giám đốc Sở Thương mại và Thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thư trưởng
TRƯƠNG ĐÌNH TUYẾN